

3. Những người đã bị khởi tố về hình sự hoặc đang có liên quan trực tiếp vào vụ án hình sự mà cơ quan có thẩm quyền đang tiến hành điều tra.

Điều 4. - Tổ chức và cá nhân muốn làm nghề kinh doanh đặc biệt, ngoài hồ sơ thủ tục xin đăng ký kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước phải có thêm các thủ tục do các ngành chủ quản có liên quan hướng dẫn.

Điều 5. - Cơ quan Công an có trách nhiệm xem xét, xác nhận các điều kiện bảo đảm về an ninh trật tự đối với tổ chức và cá nhân xin kinh doanh nghề đặc biệt để tham gia ý kiến với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trước khi cho phép thành lập và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 6. - Sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổ chức và cá nhân làm nghề kinh doanh đặc biệt phải trình báo cơ quan Công an nơi kinh doanh biết về thời gian bắt đầu hoạt động, danh sách những người làm trong cơ sở kinh doanh.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh phải chấp hành các quy định về an ninh, trật tự theo sự hướng dẫn kiểm tra của cơ quan Công an. Người phụ trách hoặc chủ cơ sở phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi vi phạm quy định hoạt động nghề kinh doanh đặc biệt của những người làm trong cơ sở của mình.

Điều 7. - Tổ chức và cá nhân nước ngoài đầu tư kinh doanh các nghề kinh doanh đặc biệt (nói trong Nghị định này) theo Luật Đầu tư của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong quá trình hoạt động phải chấp hành những quy định về an ninh trật tự của Nhà nước Việt Nam.

Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, Bộ Thương mại và Tổng cục Du lịch thống nhất với Bộ Nội vụ hướng dẫn kiểm tra việc chấp hành các quy định về an ninh, trật tự đối với các tổ chức và cá nhân nước ngoài kinh doanh nghề đặc biệt ở Việt Nam.

Điều 8. - Mọi hành vi vi phạm các quy định trong Nghị định này hoặc lợi dụng làm nghề kinh doanh đặc biệt gây nguy hại đến an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Những người có công lớn trong việc phát hiện vi phạm sẽ được khen thưởng.

Điều 9. - Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 10. - Các tổ chức và cá nhân kinh doanh nghề đặc biệt trước khi ban hành Nghị định này được tiếp tục hoạt động nhưng phải làm thủ tục xin phép kinh doanh theo quy định của Nghị định này. Cơ sở nào không đủ điều kiện để được cấp giấy phép tiếp tục kinh doanh thì phải ngừng hoạt động.

Điều 11. - Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc quản lý về an ninh, trật tự đối với từng loại nghề kinh doanh đặc biệt và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHAI

09652597

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 18-CP
ngày 26-12-1992 ban hành Quy
định về thỏa ước lao động tập
thể.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy định về thỏa ước lao động tập thể.

Điều 2. - Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 3. - Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

BẢN QUY ĐỊNH về thỏa ước lao động tập thể

(Ban hành kèm theo Nghị định số 18-CP ngày 26-12-1992 của Chính phủ).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Thỏa ước lao động tập thể (gọi tắt thỏa ước tập thể) là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa đại diện tập thể người lao động và người sử dụng lao động về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của hai bên trong quan hệ lao động.

Điều 2. -

1. Thỏa ước tập thể được áp dụng:

a) Ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế kể cả các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang có quan hệ làm công ăn lương có tổ chức Công đoàn, tổ chức của người lao động hoặc ban đại diện của tập thể người lao động.

b) Ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài và quốc tế đặt tại Việt Nam có thuê lao động Việt Nam, nếu các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia không có quy định khác.

2. Thỏa ước tập thể không áp dụng đối với công chức trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp đặc thù thuộc lực lượng vũ trang.

Điều 3. - Thỏa ước tập thể được ký kết trên nguyên tắc thương lượng bình đẳng, công khai, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với lợi ích tập thể và lợi ích chung của xã hội.

Nhà nước khuyến khích hai bên ký kết thỏa ước tập thể có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

Điều 4. - Thỏa ước tập thể phải đăng ký ở cơ quan lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mới có hiệu lực thực hiện.

Điều 5. - Khi thỏa ước tập thể đã có hiệu lực, nếu những điều khoản của hợp đồng lao động đã giao kết trước đó không phù hợp với thỏa ước tập thể phải sửa đổi cho phù hợp; nếu những điều khoản nào có lợi hơn cho người lao động vẫn có hiệu lực.

Điều 6. - Người đại diện cho hai bên ký kết thỏa ước tập thể được quy định như sau:

1. Đại diện thương lượng của tập thể người lao động:

a) Ban chấp hành công đoàn cơ sở đối với nơi có trên 50% số người lao động trong doanh nghiệp là đoàn viên công đoàn. Trường hợp số đoàn viên công đoàn chỉ từ 50% trở xuống thì ban chấp hành công đoàn nơi đó phải tổ chức bầu thêm đại diện của những người lao động chưa là đoàn viên công đoàn.

b) Ban đại diện lao động ở những doanh nghiệp chưa có tổ chức công đoàn: Ban đại diện này phải có ít nhất là 3 người do tập thể người lao động trong doanh nghiệp bầu ra và được cơ quan lao động cấp tỉnh xác nhận.

2. Đại diện thương lượng của người sử dụng lao động:

a) Giám đốc doanh nghiệp;

b) Người được Giám đốc doanh nghiệp ủy quyền hoặc theo điều lệ tổ chức của doanh nghiệp.

3. Đại diện của mỗi bên ngang nhau và do hai bên thỏa thuận.

Chương II

NỘI DUNG VÀ VIỆC KÝ KẾT THỎA ƯỚC TẬP THỂ

Điều 7. - Những nội dung chủ yếu của thỏa ước tập thể:

1. Tiền lương, tiền thưởng và các phụ cấp lương trả cho người lao động;

2. Việc làm và bảo đảm việc làm cho người lao động;

3. Thời gian làm việc và nghỉ ngơi;
4. Bảo hiểm xã hội;
5. Điều kiện lao động, an toàn lao động và vệ sinh lao động.

Điều 8. - Việc ký kết thỏa ước tập thể được tiến hành theo trình tự sau:

1. Các bên đưa ra yêu cầu và nội dung cần thương lượng;
2. Tiến hành thương lượng, thỏa thuận trên cơ sở xem xét các yêu cầu và nội dung của mỗi bên;
3. Mỗi bên tổ chức lấy ý kiến về dự thảo thỏa ước và có thể tham khảo ý kiến của cơ quan lao động, của liên đoàn lao động;
4. Các bên hoàn thiện dự thảo thỏa ước tập thể và tiến hành ký kết sau khi đại diện của hai bên nhất trí.

Điều 9. - Thỏa ước tập thể được ký kết trong thời hạn từ một đến ba năm.

Sau ba tháng thực hiện, kể từ ngày thỏa ước tập thể có hiệu lực, mỗi bên có quyền yêu cầu sửa đổi, bổ sung thỏa ước tập thể.

Khi thỏa ước tập thể đã hết thời hạn quy định, nếu các bên chưa có yêu cầu ký thỏa ước mới thì thỏa ước mặc nhiên được kéo dài bằng một thời hạn đã ký trước đó. Nếu các bên yêu cầu ký thỏa ước mới thì phải tiến hành thương lượng trước 60 ngày hết hạn của thỏa ước.

Trường hợp quá 60 ngày mà hai bên vẫn chưa ký được thỏa ước mới, thỏa ước cũ vẫn có hiệu lực nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày thỏa ước cũ hết hạn.

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc ký thỏa ước tập thể mới phải tiến hành theo trình tự ở Điều 8 và đăng ký theo quy định ở Điều 4.

Điều 10. - Thỏa ước tập thể phải có đủ chữ ký của hai bên và được lập thành ba bản, mỗi bên giữ một bản, một bản gửi cơ quan lao động cấp tỉnh để đăng ký.

Trường hợp doanh nghiệp có cơ sở ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì đăng ký thỏa ước tập thể ở cơ quan lao động địa phương nơi có trụ sở chính của doanh nghiệp.

Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản thỏa ước, cơ quan lao động tỉnh phải có văn bản thừa nhận, quá thời hạn đó bản thỏa ước mặc nhiên có hiệu lực thực hiện.

Cơ quan lao động tỉnh có quyền bác bỏ các điều khoản của thỏa ước tập thể trái với pháp luật và thông báo cho các bên biết. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan lao

động tỉnh, hai bên phải thương lượng và thỏa thuận việc sửa đổi.

Thỏa ước tập thể có hiệu lực phải sao gửi Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, công đoàn ngành (nếu có) và cơ quan lao động các tỉnh, thành phố có hoạt động của doanh nghiệp.

Điều 11.-

1. Thỏa ước tập thể bị vô hiệu toàn bộ hoặc từng phần khi:

- Nội dung trái pháp luật.
- Người ký thỏa ước không đúng thẩm quyền.
- Không tiến hành theo đúng trình tự ký kết.
- Không đăng ký ở cơ quan lao động có thẩm quyền.
- Thiếu một trong các nội dung ghi ở Điều 7 của Nghị định này.

2. Cơ quan lao động đăng ký thỏa ước có quyền kết luận thỏa ước tập thể bị vô hiệu toàn bộ hoặc vô hiệu từng phần.

Điều 12.- Thỏa ước tập thể khi có hiệu lực pháp luật phải công bố tới toàn thể công nhân viên chức của doanh nghiệp.

Mọi người trong doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các điều khoản của thỏa ước đã ký.

Điều 13.- Thỏa ước tập thể đã ký kết được giữ nguyên giá trị pháp lý và tiếp tục được thực hiện trong trường hợp doanh nghiệp sáp nhập, hoặc chia nhỏ, chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, quyền quản lý doanh nghiệp.

Thỏa ước tập thể đã ký mặc nhiên bị hủy bỏ khi doanh nghiệp bị giải thể, bị phá sản; quyền lợi của người lao động được giải quyết theo luật định, nếu trong thỏa ước tập thể không có quy định khác.

Điều 14.- Người sử dụng lao động chịu các chi phí cho việc thương lượng, ký kết, đăng ký, sửa đổi, bổ sung và công bố thỏa ước tập thể và tiền lương của các đại diện tập thể người lao động trong thời gian thương lượng và ký kết. Nhưng các đại diện này phải là người lao động làm việc tại doanh nghiệp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỎA ƯỚC, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẬP THỂ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15.- Cơ quan lao động có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn, đôn đốc việc ký kết, thừa nhận, đăng ký thỏa ước tập thể; theo dõi việc thực hiện thỏa ước tập thể trong các doanh nghiệp;

2. Phối hợp với Liên đoàn lao động hướng dẫn bầu cử và xác nhận ban đại diện của tập thể lao động; giúp ban này hoạt động có hiệu quả.

3. Giải quyết các tranh chấp thỏa ước tập thể.

4. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về thỏa ước tập thể.

Điều 16.- Cơ quan có thẩm quyền và thủ tục giải quyết tranh chấp thỏa ước tập thể thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 của Nghị định số 165-HĐBT ngày 12-5-1992 của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 17.- Biên bản hòa giải của Hội đồng hòa giải hoặc quyết định của tòa án, của hội đồng trọng tài lao động được thi hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có hiệu lực pháp luật, quá thời hạn này mà các bên không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì mỗi bên có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

Điều 18.- Tập thể hoặc cá nhân vi phạm quy định của Nghị định này tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính, bồi thường vật chất hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 19.- Các doanh nghiệp đang hoạt động đã ký thỏa ước tập thể hoặc đã có những nội quy, quy chế riêng của mình mà trái với Nghị định này đều phải sửa đổi chậm nhất sau ba tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 130-TTg ngày 4-12-1992 về việc giao lại Trung tâm giáo dục hướng nghiệp lâm nghiệp Ba Vì

thuộc vườn quốc gia Ba Vì, Bộ Lâm nghiệp cho ngành Giáo dục và đào tạo.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Giao Trung tâm giáo dục hướng nghiệp lâm nghiệp Ba Vì thuộc vườn quốc gia Ba Vì, Bộ Lâm nghiệp cho ngành Giáo dục và đào tạo quản lý.

Điều 2. - Bộ Lâm nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo căn cứ tình hình đất đai và nhu cầu của Trung tâm hướng nghiệp lâm nghiệp Ba Vì xác định ranh giới cho Trung tâm hướng nghiệp lâm nghiệp Ba Vì từ cốt 100 trở xuống.

Điều 3. - Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây và thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế điều khoản sáp nhập Trung tâm hướng nghiệp Ba Vì vào rừng cấm quốc gia Ba Vì tại Quyết định số 17-CT ngày 16-1-1991.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 132-TTg ngày 5-12-1992 về việc giao Thông tấn xã Việt Nam quản lý và tổ chức lại báo "Tin Việt Nam" (Vietnam Courier).

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam;

Xét yêu cầu công tác thông tin đối ngoại,